

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2784/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 18 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành Chương trình an toàn, vệ sinh lao động tỉnh Phú Yên
giai đoạn 2016 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 05/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về An toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (tại Tờ trình số: 1975/TTr-SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 10/11/2016),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Chương trình an toàn, vệ sinh lao động tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động-Thương binh và Xã hội; Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Đình Phùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH
VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG TỈNH PHÚ YÊN GIAI ĐOẠN 2016-2020
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2784/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016
của UBND tỉnh Phú Yên)*

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp cải thiện điều kiện lao động, hạn chế tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; UBND tỉnh đã có kế hoạch chỉ đạo các cấp, các ngành liên quan triển khai thực hiện chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2011-2015 đạt được một số kết quả. Tuy nhiên, theo dự báo của các ngành chức năng, tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có xu hướng gia tăng trong thời gian đến. Thực hiện Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 05/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh xây dựng Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020 như sau:

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, giảm ô nhiễm môi trường lao động; ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; chăm sóc sức khỏe người lao động; nâng cao nhận thức và sự tuân thủ pháp luật về bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn tính mạng cho người lao động, tài sản của Nhà nước, tài sản của doanh nghiệp của tổ chức, góp phần vào sự phát triển bền vững của tỉnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

a) Trung bình hàng năm, giảm 05% tần suất tai nạn lao động chết người trong một số ngành, lĩnh vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động (khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng, sản xuất kim loại và sản xuất hóa chất);

b) Trên 50% người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ mắc bị các bệnh nghề nghiệp được phổ biến được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; trên 70% doanh nghiệp lớn và 30% doanh nghiệp vừa và nhỏ có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp thực hiện quan trắc môi trường;

c) Trung bình hàng năm tăng thêm 10 doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng hiệu quả một số nội dung cơ bản của hệ thống quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động; bước đầu xây dựng văn hóa an toàn trong lao động;

d) Trên 90% số người làm công tác quản lý, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác ATVSLĐ cấp huyện, cấp xã và trong Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp được tập huấn nâng cao năng lực về công tác ATVSLĐ;

đ) Trên 80% số người làm các nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ; 80% người làm công tác ATVSLĐ, người làm công tác y tế; 90% số an toàn, vệ sinh viên trong các cơ sở sản xuất kinh doanh được huấn luyện về ATVSLĐ;

e) Trên 80% số người thuộc lực lượng sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc được huấn luyện cập nhật về sơ cứu, cấp cứu;

g) Trên 80% số làng nghề; 70% số hợp tác xã có nguy cơ cao về tai nạn lao động về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được tiếp cận thông tin phù hợp về ATVSLĐ;

h) 100% người lao động đã xác nhận bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được điều trị và phục hồi chức năng lao động theo quy định của pháp luật;

i) 100% số vụ tai nạn lao động chết người được khai báo, điều tra, xử lý đúng theo pháp luật.

1.3. Thời gian, phạm vi thực hiện Chương trình

- Thời gian thực hiện 5 năm, từ năm 2016-2020.

- Chương trình thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

2. NỘI DUNG

2.1. Các hoạt động nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động

a) Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Đối tượng thụ hưởng: Cán bộ làm công tác về ATVSLĐ thuộc các sở, ban, ngành, các hội đoàn thể cấp tỉnh, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn và người sử dụng lao động, người lao động trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh làm các công việc, các nghề có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

c) Các hoạt động chủ yếu:

- Tham dự hội nghị, hội thảo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức công tác an toàn, vệ sinh lao động về rà soát, sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động;

- Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hệ thống thanh tra, giám sát an toàn, vệ sinh lao động;

- Điều tra thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh; kiện toàn cơ sở dữ liệu về an toàn vệ sinh lao động;

- Triển khai áp dụng các hệ thống quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động phù hợp trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và làng nghề đang có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

d) Kinh phí thực hiện trong 5 năm: 1.075 triệu đồng (*Một tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu đồng*); trong đó:

- Kinh phí Trung ương : 875 triệu đồng;

- Kinh phí địa phương : Không;

- Các nguồn huy động hợp pháp khác: Dự kiến khoảng 200 triệu đồng.

2.2. Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện, tư vấn về an toàn, vệ sinh lao động

a) Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Đối tượng thụ hưởng: Các cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực truyền thông, huấn luyện; Người sử dụng lao động, mạng lưới An toàn vệ sinh viên; Người lao động ở các doanh nghiệp cơ sở sản xuất kinh doanh; người lao động và nông dân không có quan hệ hợp đồng lao động, ưu tiên các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, hộ gia đình có công với cách mạng.

d) Các hoạt động chủ yếu:

- Nâng cao năng lực hoạt động tư vấn về an toàn, vệ sinh lao động.
- Huấn luyện, triển khai các hoạt động truyền thông; bồi dưỡng nghiệp vụ; hỗ trợ mở rộng mạng lưới huấn luyện viên, truyền thông viên về an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh;

- Tập huấn, tuyên truyền về ATVSLĐ; tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cải thiện điều kiện làm việc cho người sử dụng lao động và người lao động thuộc mục tiêu chương trình (người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động).

- Nâng cao hiệu quả các phong trào quần chúng làm công tác an toàn, vệ sinh lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

e) Kinh phí thực hiện trong 5 năm: 805 triệu đồng (*Tám trăm linh năm triệu đồng*); trong đó:

- Kinh phí Trung ương hỗ trợ: 765 triệu đồng

- Kinh phí địa phương : Không.

- Các nguồn huy động hợp pháp khác: Dự kiến khoảng 40 triệu đồng.

2.3. Hoạt động của Hội đồng An toàn, vệ sinh lao động tỉnh,

a) Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Đối tượng: Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động tỉnh Phú Yên.

c) Các hoạt động chủ yếu: Hoạt động của Hội đồng An toàn, vệ sinh lao động tỉnh về tổ chức họp triển khai công tác an toàn, vệ sinh lao động.

d) Kinh phí thực hiện trong 5 năm: 120 triệu đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*); trong đó:

- Nguồn kinh phí Trung ương: Không;

- Ngân sách địa phương : 120 triệu đồng.

2.4. Tổ chức Tháng hành động An toàn vệ sinh lao động hàng năm

a) Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Đối tượng thụ hưởng: Các cấp chính quyền, toàn thể nhân dân, chủ sử dụng lao động và người lao động.

c) Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức Lễ phát động cấp tỉnh hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ vào tháng 5 hàng năm.

- Tổ chức tuyên truyền trước, trong và sau Tháng hành động về ATVSLĐ dưới nhiều hình thức: Báo đài, pa nô, băng rôn, tranh, khẩu hiệu, áp phích, tờ rơi... - Tổ chức thăm hỏi người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và thân nhân của người lao động bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp

- Triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá của Ban chỉ đạo Tháng hành động về ATVSLĐ tại các doanh nghiệp nhân tháng hành động về ATVSLĐ-PCCN.

- Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật về An toàn vệ sinh lao động-PCCN; an toàn vệ sinh viên giỏi.

- Tổng kết thi đua và khen thưởng về công tác ATVSLĐ.

d) Kinh phí thực hiện trong 5 năm: 1.700 triệu đồng (*Một tỷ, bảy trăm triệu đồng*); trong đó:

- Nguồn kinh phí Trung ương: Không;

- Nguồn kinh phí địa phương: 1.700 triệu đồng.

2.5. Tổng kinh phí thực hiện Chương trình 5 năm

Tổng số: 3.700 triệu đồng; chia theo các hoạt động:

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về ATVSLĐ: 1.075 triệu đồng;

- Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện, tư vấn và hỗ trợ áp dụng các biện pháp kỹ thuật ATVSLĐ: 805 triệu đồng;

- Hoạt động Hội đồng An toàn, vệ sinh lao động tỉnh: 120 triệu đồng;

- Tháng hành động an toàn, vệ sinh lao động: 1.700 triệu đồng.

Chia theo nguồn kinh phí:

- Kinh phí Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 1.640 triệu đồng;

- Kinh phí địa phương: 1.820 triệu đồng;

- Các nguồn huy động hợp pháp khác: Dự kiến khoảng 240 triệu đồng.

(Có phụ lục kèm theo)

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải pháp về cơ chế chính sách

a) Tiếp tục thực hiện, thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng lao động, người lao động thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động, áp dụng hệ thống quản lý an toàn, vệ sinh lao động tiên tiến, xây dựng văn hóa an toàn trong lao động;

b) Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia và đóng góp nguồn lực, kinh nghiệm để triển khai hiệu quả các hoạt động cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động; áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, hiện đại, các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường trong quá trình lao động; hỗ trợ các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh thí điểm và áp dụng hệ thống quản lý an toàn, vệ sinh lao động tiên tiến, xây dựng văn hóa an toàn lao động;

c) Hỗ trợ tư vấn các doanh nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ về an toàn, vệ sinh lao động để phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong các ngành, lĩnh vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng và công bố hoặc sử dụng tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại về an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình lao động;

d) Khuyến khích phát triển và xã hội hóa các hoạt động dịch vụ tư vấn, kiểm định, đào tạo, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động;

e) Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ và các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chương trình;

g) Đẩy mạnh lồng ghép các hoạt động của chương trình an toàn, vệ sinh lao động với các chương trình việc làm, dạy nghề, giảm nghèo, phòng chống HIV/AIDS, tệ nạn xã hội tại nơi làm việc; chống biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường và các chương trình khác có liên quan.

h) Phát huy đồng bộ hệ thống giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình.

2. Giải pháp về nguồn vốn thực hiện

a) Ngân sách Nhà nước gồm Ngân sách trung ương hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp, Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016- 2020 và Ngân sách địa phương phân bổ hàng năm theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước;

b) Xã hội hóa, huy động sự hỗ trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân tham gia Chương trình;

c) Huy động các nguồn hợp pháp khác.

3. Giải pháp về quản lý điều hành

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các ngành chức năng và địa phương:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị liên quan và các doanh nghiệp, tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động của Chương trình và theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thành lập Hội đồng An toàn, vệ sinh lao động để tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động. Xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động trong kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm phù hợp với đặc điểm, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng hệ thống quản lý an toàn, vệ sinh lao động tiên tiến, hiện đại.

4. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền

- Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động, người lao động và cộng đồng bằng các hình thức đa dạng, phù hợp.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động hàng năm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội

- Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020;

- Tham mưu UBND tỉnh sớm thành lập Hội đồng An toàn, vệ sinh lao động tỉnh Phú Yên. Hàng năm, trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ được giao xây dựng dự toán kinh phí trình UBND tỉnh, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định;

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai tốt các hoạt động của Chương trình; Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động và các quy định của pháp luật về ATVS LĐ;

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các qui định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; tổ chức đánh giá hiệu quả Chương trình;

- Định kỳ tổng hợp báo cáo 06 tháng, hàng năm và đột xuất theo quy định cho UBND tỉnh, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng ngân sách, chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để đảm bảo thực hiện các hoạt động của Chương trình; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng kinh phí của Chương trình theo quy định.

Phụ lục
**KẾ HOẠCH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ AN TOÀN,
 VỆ SINH LAO ĐỘNG TỈNH PHÚ YÊN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kinh phí từng năm					Tổng giai đoạn 2016-2020
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
I	Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về an toàn-vệ sinh lao động.	Triệu đồng	35	260	260	260	260	1.075
	- Ngân sách Trung ương hỗ trợ	"	35	210	210	210	210	875
	- Ngân sách địa phương	"	0	0	0	0	0	0
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	"	0	50	50	50	50	200
1	Hoạt động 1: Truyền thông nâng cao nhận thức thay đổi hành vi và tập huấn, huấn luyện nâng cao quản lý ATVSLĐ.	Triệu đồng	35	50	50	50	50	235
	- Ngân sách Trung ương hỗ trợ	"	35	50	50	50	50	235
1.1	- Số lớp	Lớp	01	01	01	01	01	05
1.2	- Số người	Người	55	80	80	80	80	375
2	Hoạt động 2: Điều tra người dân địa phương bị chết do tai nạn lao động và cán bộ quản lý nhà nước về An toàn vệ sinh lao động hàng năm để xây dựng và kiện toàn cơ sở dữ liệu về ATVSLĐ	Triệu đồng	0	60	60	60	60	240
	- Ngân sách Trung ương hỗ trợ	"	0	60	60	60	60	240
3	Hoạt động 3: Hoàn thiện và triển khai các mô hình quản lý công tác an toàn - vệ sinh lao động trong doanh nghiệp có nguy cơ cao về tai nạn lao động,	Triệu đồng	0	100	100	100	100	400

	bệnh nghề nghiệp. Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản lý an toàn - vệ sinh lao động và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.							
	- <i>Ngân sách Trung ương hỗ trợ</i>	„	0	50	50	50	50	200
	- <i>Nguồn huy động hợp pháp khác</i>	„	0	50	50	50	50	200
3.1	Số mô hình	Mô hình	0	5	5	5	5	20
3.2	Số doanh nghiệp tham gia	DN	0	40	40	40	40	160
4	Hoạt động 4: Tập huấn, dự hội nghị, hội thảo do TW tổ chức	Triệu đồng	0	50	50	50	50	200
	- <i>Ngân sách Trung ương hỗ trợ</i>	„	0	50	50	50	50	200
II	Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện, tư vấn và hỗ trợ áp dụng các biện pháp kỹ thuật ATVSLĐ	Triệu đồng	45	190	190	190	190	805
	- <i>Ngân sách Trung ương hỗ trợ</i>	"	45	180	180	180	180	765
	- <i>Nguồn huy động hợp pháp khác</i>	"	0	10	10	10	10	40
1	Hoạt động 1: Triển khai các hoạt động thông tin tuyên truyền.	Triệu đồng	0	50	50	50	50	200
	- <i>Ngân sách Trung ương hỗ trợ</i>	"	0	50	50	50	50	200
2	Hoạt động 2: Tập huấn chủ sử dụng lao động và cán bộ làm công tác ATVSLĐ ở doanh nghiệp	Triệu đồng	0	60	60	60	60	240
	- <i>Ngân sách Trung ương hỗ trợ</i>	"	0	50	50	50	50	200
	- <i>Nguồn huy động hợp pháp khác</i>	"	0	10	10	10	10	40
	Số lớp	Lớp	0	01	01	01	01	04
	Số người	Người	0	70	70	70	70	280

3	Hoạt động 3: Tập huấn cho người lao động không có quan hệ hợp đồng lao động làm nghề có yêu cầu nghiêm ngặt, nguy hiểm độc hại về ATVSLĐ	Triệu đồng	45	80	80	80	80	365
	<i>Ngân sách Trung ương hỗ trợ</i>	"	45	80	80	80	80	365
	Số lớp	Lớp	01	02	02	02	02	09
	Số người	Người	85	140	140	140	140	645
III	Hoạt động của Hội đồng ATVSLĐ tỉnh	Triệu đồng	-	30	30	30	30	120
	<i>- Ngân sách địa phương</i>	"	0	30	30	30	30	120
IV	Hoạt động: Tổ chức tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động	Triệu đồng	100	400	400	400	400	1.700
	<i>- Ngân sách địa phương</i>	"	100	400	400	400	400	1.700
1	Hoạt động 1: Tổ chức mít tinh hưởng ứng tháng hành động ATVSLĐ-PCCN vào tháng 5 hàng năm tại các huyện, thị xã, thành phố và khen thưởng công tác ATVSLĐ.	Triệu đồng	10	100	100	100	100	410
2	Hoạt động 2: Tuyên truyền trước trong và sau tháng hành động ATVSLĐ dưới nhiều hình thức: Báo đài, Pa nô, băng rôn, tranh, khẩu hiệu, áp phích....	Triệu đồng	70	150	150	150	150	670
3	Hoạt động 3: Triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá của Ban chỉ đạo tháng hành động ATVSLĐ tại các doanh nghiệp nhân tháng hành động ATVSLĐ-PCCN.	Triệu đồng	20	50	50	50	50	220

4	Hoạt động 4: Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật về ATVSLĐ, thi an toàn vệ sinh viên giỏi giữa các doanh nghiệp; tổng kết và khen thưởng	Triệu đồng	0	100	100	100	100	400
	Tổng cộng (I+II+III+IV) Trong đó:	Triệu đồng	180	880	880	880	880	3.700
	<i>- Ngân sách Trung ương hỗ trợ</i>	<i>"</i>	<i>80</i>	<i>390</i>	<i>390</i>	<i>390</i>	<i>390</i>	<i>1.640</i>
	<i>- Ngân sách địa phương</i>	<i>"</i>	<i>100</i>	<i>430</i>	<i>430</i>	<i>430</i>	<i>430</i>	<i>1.820</i>
	<i>- Nguồn huy động hợp pháp khác</i>	<i>"</i>	<i>0</i>	<i>60</i>	<i>60</i>	<i>60</i>	<i>60</i>	<i>240</i>